

Số: ~~776~~ /TM-BVPHCN

Hà Nội, ngày ~~31~~ tháng ~~10~~ năm 2025

THƯ MỜI QUAN TÂM

Dịch vụ tư vấn lập E-HSMT, báo cáo đánh giá E-HSDT cho việc mua sắm “Trang phục y tế và đồ vải phục vụ bệnh nhân năm 2025”

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn đầu thầu

Bệnh viện Phục hồi chức năng chuẩn bị tổ chức lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ tư vấn lập E-HSMT, báo cáo đánh giá E-HSDT cho việc mua sắm “Trang phục y tế và đồ vải phục vụ bệnh nhân năm 2025”. Kính mời các quý Công ty quan tâm gửi hồ sơ tham dự với những nội dung chủ yếu sau:

1. Đơn xin nhận thầu và chào giá dịch vụ tư vấn đã bao gồm các loại thuế, phí (bao gồm cả dự toán chi tiết): 01 bản chính bằng tiếng Việt. Bản chào giá có giá trị trong 90 ngày.

2. Danh mục mua sắm: Tham khảo phụ lục 1

3. Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm: Tham khảo phụ lục 2

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày

5. Cách thức tiếp nhận đơn nhận thầu, bản chào giá và hồ sơ năng lực theo một trong các cách sau:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng văn thư Bệnh viện Phục hồi chức năng.

Địa chỉ: số 35 đường Lê Văn Thiêm, phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 02435585094.

- Nhận qua Email: bvddphcn1_soyt@hanoi.gov.vn.

- Nhận qua đường bưu chính: Phòng văn thư Bệnh viện Phục hồi chức năng

6. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15 giờ 00 phút ngày 31/10/2025 đến trước 15 giờ 00 phút 06/11/2025.

Các báo giá và HSNL nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

7. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 06/11/2025.

Rất mong được sự quan tâm của các Quý công ty. Bệnh viện Phục hồi chức năng xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website của Bệnh viện;
- Lưu VT, TCHCQT./.



Nguyễn Thị Minh Hải

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời số: 776 /TM-BVPHCN ngày 31 / 10 /2025 của Bệnh viện PHCN)

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
1	Trang phục Bác sĩ	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	44
2	Trang phục Dược sĩ	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ sẵn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2)	Bộ	10

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
		+ Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái		
3	Trang phục Điều dưỡng	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m ²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	112
4	Trang phục kỹ thuật viên	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m ²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0	Bộ	50

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
		(±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái		
5	Trang phục hộ lý	- Màu sắc: Màu xanh hoà bình - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (64±1)% Polyester; (36±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m ²): 158 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 252 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 57 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -2,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	06
6	Trang phục giáo viên	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m ²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h	Bộ	08

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
		- Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 (có lé màu xanh ngọc vào cổ tay túi) - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái		
7	Quần áo bảo vệ	- Chất liệu: Kaki - Màu sắc: Màu xanh đen - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (92±1)% Polyester; (8±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m²): 290 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897 (±2); Ngang: 379 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 172 (±2); Ngang: 109 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 1 bộ gồm: Quần + áo + mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	06
8	Quần áo tiếp đón	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 (có lé màu đỏ vào cổ tay túi) - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	04

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐVT	Số lượng
9	Quần áo nhân viên điện nước	- Chất liệu: Kaki - Màu sắc: Màu xanh đen - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (92±1)% Polyester; (8±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m²): 290 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 897 (±2); Ngang: 379 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 172 (±2); Ngang: 109 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 2-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 1 bộ gồm: Quần + áo + mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	02
10	Trang phục dinh dưỡng	- Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Oxford - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (62±1)% Polyester; (38±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 145 (±2) + Độ dày (mm): 0,28 (±0,2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 286 (±2); Ngang: 246 (±2) + Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc: 48,0/2 (±2); Ngang: 49,0/2 (±2) + Độ bền kéo đứt (N): Dọc: 758 (±2); Ngang: 647 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 47 (±2); Ngang: 50 (±2) + Độ vón gút sau 10800 vòng quay (cấp): 4 + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ săn sợi (x/m): Dọc: 761 (±2); Ngang: 844 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần, áo, mũ. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	06

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
11	Quần áo khối văn phòng hành chính	- Chất liệu: Áo vải Kate Ý. Quần vải kaki - Màu sắc: Màu sắc: Áo màu trắng, quần hoặc váy màu tối. - Tiêu chuẩn vải: - Tiêu chuẩn vải áo: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (32±1)% Visco; (3±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 146 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 606 (±2); Ngang: 341 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 83 (±2); Ngang: 52 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Tiêu chuẩn vải quần hoặc chân váy: + Thành phần nguyên liệu (%): (81±1)% Polyester; (13±1)% Visco; (6±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 246 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481 (±2); Ngang: 376 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 131 (±2); Ngang: 233 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 3-5 + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h. - Quy cách may: Theo thông tư số 45/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015. - 01 bộ gồm: Quần + áo. In logo bệnh viện vào ngực áo trái	Bộ	30
12	Vỏ gối	- Chất liệu: Vải thô - Kích thước: 40x60cm - Màu sắc: Màu trắng - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (88±1)% Polyester; (12±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 172 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 298 (±2); Ngang: 234 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 49 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,0 (±0,1); Ngang: -1,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: May xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	100
13	Ruột gối	- Chất liệu: Bông siêu nhẹ - Kích thước: 40x60cm	Cái	100

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
		- Màu sắc: Màu trắng		
14	Áo bệnh nhân người lớn (Size 4)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: Kẽ sọc xanh - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (67±1)% Polyester; (33±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 100 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422 (±2); Ngang: 276 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: Cổ 2 ve, dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi. In logo bệnh viện.	Cái	50
15	Quần bệnh nhân người lớn (size 4)	- Chất liệu: Kate - Màu sắc: Kẽ sọc xanh - Tiêu chuẩn vải: + Thành phần nguyên liệu (%): (67±1)% Polyester; (33±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m2): 100 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 422 (±2); Ngang: 276 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: Quần kiểu pijama, kéo dây rút, có 1 túi sau. In logo bệnh viện.	Cái	50
16	Rèm vải	- Chất liệu: vải thô - Kích thước: 2m x 1,2m - Màu sắc: màu xanh - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (79±1)% Polyester; (15±1)% Visco; (6±1)% Spandex + Khối lượng thực tế (g/m2): 242 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 481 (±2); Ngang: 364 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: 0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền xé rách (N): Dọc: 129 (±2); Ngang: 296 (±2) + Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách: May xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	30

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
17	Ga chun khoét lỗ	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 0,9m x 1,95m x 0,05m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m²): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	50
18	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 1,5x1,95x 0,05m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m²): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	20
19	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 2 x 0,5 x 0,1m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m²): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm, 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	05

TT	TÊN HÀNG	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	ĐV T	Số lượng
20	Ga chun	- Chất liệu: vải thô - Màu sắc: màu xanh - KT: 1,6 x 0,6 x 0,1 m - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (65±1)% Polyester; (35±1)% Visco + Khối lượng thực tế (g/m²): 166 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 308 (±2); Ngang: 256 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -1,5 (±0,1); Ngang: -1,0 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 + Độ bền màu với chất tẩy (cấp): 4 - Quy cách: may xung quanh đường mép, đường may 0,7cm, 4 góc chắc chắn. Có in logo Bệnh viện.	Cái	05
21	Vỏ gối	- Chất liệu: Vải thô - Kích thước: 40x60cm - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Tiêu chuẩn: + Thành phần nguyên liệu (%): (88±1)% Polyester; (12±1)% Cotton + Khối lượng thực tế (g/m²): 173 (±2) + Mật độ (sợi/10cm): Dọc: 296 (±2); Ngang: 228 (±2) + Độ bền xé rách (N): Dọc: 60 (±2); Ngang: 43 (±2) + Thay đổi KT sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5 (±0,1); Ngang: -0,5 (±0,1) + Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Quy cách: May xung quanh đường mép, đường may 0,7cm; 4 góc chắc chắn. Có in logo bệnh viện.	Cái	50

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Thư mời số: 776 /TM-BVPHCN ngày 31/10/2025 của Bệnh viện PHCN)

ST T	Nội dung đánh giá	Yêu cầu	Kết luận (đạt/ không đạt)
1	Năng lực pháp lý	- Có giấy phép đăng ký kinh doanh, đăng ký đang hoạt động - Là nhà thầu có tài khoản được phê duyệt trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. - Có chứng chỉ năng lực theo quy định - Có bản cam kết Nhà thầu không trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật	
2	Năng lực về kinh nghiệm	Có tối thiểu 03 hợp đồng tư vấn trong cùng lĩnh vực trong thời gian 03 năm trở lại đây	
3	Giá trị đề xuất thực hiện hợp đồng	≤ 7.263.000 đồng (Bảy triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn đồng)	
4	Năng lực về đề xuất thời gian thực hiện hợp đồng	≤ 30 ngày	
5	Thời hạn hiệu lực của báo giá	≥ 90 ngày	